

Số: **51** /2020/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 10 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Thôn N, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59, 60, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị H với anh Nguyễn Văn B.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh C, sinh ngày 02-7-2019 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

- Giao cháu Nguyễn Hoàng Nhật M, sinh ngày 29-9-2017 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Các bên tự thỏa thuận về thời gian, địa điểm, cách thức thăm nom con và quyền, nghĩa vụ của mỗi bên.

**2.2.** Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**2.3.** Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản:

- Về tài sản chung:

Giao chị Hoàng Thị H sở hữu số hàng hóa là văn phòng phẩm tổng trị giá 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) và nhận 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) giá trị xây dựng 01 ki ốt bán hàng, tổng cộng là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng). Chị H đã nhận số hàng hóa được phân chia và đã nhận số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) do anh B giao.

Giao anh Nguyễn Văn B sở hữu giá trị xây dựng 02 ki ốt (15.000.000 đồng/1 ki ốt), tổng cộng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); 01 máy photocopy màu, trị giá 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng); 01 máy in màu, trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); 03 máy vi tính để bàn, tổng trị giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và hàng hóa linh kiện máy tính, trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng cộng 61.000.000 đồng (Sáu mươi một triệu đồng) nhưng có nghĩa vụ giao cho chị H giá trị 01 ki ốt bằng tiền (đã giao 15.000.000 đồng) nên còn lại là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận việc chị tự nguyện H không yêu cầu anh Bình hoàn trả giá trị chênh lệch tài sản được chia ngoài số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Đương sự không yêu cầu giải quyết các tài sản khác và quyền sử dụng đất 02 ki ốt nêu trên; trường hợp có tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết; trường hợp có tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

**2.4.** Về án phí sơ thẩm:

- Chị Hoàng Thị H tự nguyện chịu án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và toàn bộ án phí chia tài sản là 74.000.000 đồng x 5% x 50 % = 1.850.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); tổng cộng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/0085xx ngày 20-4-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoàn trả lại cho chị H 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí chia tài sản.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P;
- (ĐKKH số AA ngày xx-yy-2017)*
- Lưu hồ sơ, HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Trường**